

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện Dự án 2 "Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023" Nội dung: Mô hình nuôi bò Lai sinh sản tại xã Yên Trạch, huyện Phú Lương

TT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Hỗ trợ của nhà nước (đồng)	Nhân dân đối ứng
TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN = I + II					536.000.000	500.000.000	36.000.000
I	Kinh phí đối ứng của hộ dân				36.000.000	0	36.000.000
1	Thức ăn cám hỗn hợp ngô, khoai, sắn, cám gạo... (5kg/ngày*30 ngày* 18 con)	kg	10.000	2.700	27.000.000		27.000.000
2	Tinh đông lạnh (phôi giống) và công phối giống	liều	500.000	18	9.000.000		9.000.000
II	Kinh phí đề nghị ngân sách hỗ trợ = 1+2+3+4+5+6				500.000.000	500.000.000	-
1	Hỗ trợ giống, vật tư				459.900.000	459.900.000	0
1.1	Mua Bò lai sinh sản có trọng lượng bình quân 220 - 250 kg/con, số lượng 18 con bao gồm cả vận chuyển trọn gói giao con giống đến hộ gia đình (Nhà nước hỗ trợ 100% giá con giống)	con	24.200.000	18	435.600.000	435.600.000	
1.2	Thức ăn tinh dạng viên cho Bò (3kg/ngày*30 ngày* 18 con) • Thức ăn cám hỗn hợp, dùng cho bò được sản xuất theo dây chuyền công nghiệp với thành phần nguyên liệu chính gồm có: chất đạm động - thực vật, phụ gia khóa đa - vi lượng; axit amin, khoáng chất và vitamin. Thức ăn không bị ẩm mốc, còn thời hạn sử dụng 100 ngày kể từ ngày sản xuất.	kg	15.000	1620	24.300.000	24.300.000	
2	Hỗ trợ chi phí quản lý, xây dựng dự án				16.650.000	16.650.000	-
2.1	Chi bồi dưỡng cho thành viên BQL dự án thực hiện xây dựng dự án, rà soát thực tế, khảo sát, phụ trách địa bàn (5 người x 3 ngày x 100.000đ/ngày)	ngày	100.000	15	1.500.000	1.500.000	
2.2	Văn phòng phẩm thực hiện dự án				1.930.000	1.930.000	
2.3	Hỗ trợ cán bộ tổ quản lý dự án (2 người x 3 tháng x 300.000đ/tháng)	người	300.000	6	1.800.000	1.800.000	
2.4	Họp Tổ thẩm định dự án				6.520.000	6.520.000	
	Market	Buổi	500.000	1	500.000	500.000	
	Hỗ trợ tiền nước uống Đại biểu	Người	20.000	11	220.000	220.000	
	Thù lao thành viên tham gia Tổ thẩm định	Người					
	- Tổ trưởng	Người	800.000	1	800.000	800.000	
	- Tổ phó và các thành viên	Người	500.000	10	5.000.000	5.000.000	
2.5	Hỗ trợ tổ chức hội nghị đánh giá, tổng kết Dự án				4.900.000	4.900.000	
	- Market	Buổi	500.000	1	500.000	500.000	
	- Hỗ trợ tiền ăn Đại biểu không hưởng lương	Người	100.000	30	3.000.000	3.000.000	
	- Hỗ trợ tiền nước uống Đại biểu	Người	20.000	35	700.000	700.000	
	- Văn phòng phẩm, tài liệu cho Đại biểu	Bộ	20.000	35	700.000	700.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Hỗ trợ của nhà nước (đồng)	Nhân dân đối ứng
3	Chi phí tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản lai sind và phòng bệnh, cho các hộ dân - 2 lớp tại xã; - Tổng đại biểu 30 đại biểu không hưởng lương - Mỗi lớp 01 ngày		5.900.000	2	11.800.000	11.800.000	
3.1	Maket hội nghị	chiếc	500.000	1	500.000	500.000	
3.2	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương: 30 người/lớp x 100.000 đồng/người/ngày x 2 ngày	ngày	100.000	30	3.000.000	3.000.000	
3.3	Hỗ trợ tiền nước uống, giải khát giữa giờ (30 người/ ngày)	ngày	40.000	30	1.200.000	1.200.000	
3.4	Tài liệu Kỹ thuật và VPP	Bộ	20.000	30	600.000	600.000	
3.5	Thù lao giảng viên giảng dạy cấp huyện	ngày	600.000	1	600.000	600.000	
4	Đi thăm quan thực tế	ngày		1	11.650.000	11.650.000	
4.1	Thuế xe đưa Đại biểu đi thăm quan, thực nghiệm ngoài tỉnh (35 người) - 30 ĐB không lương; 5 ĐB BQL - Thuế xe 35 chỗ	chuyến	5.000.000	1	5.000.000	5.000.000	
4.2	Hỗ trợ tiền ăn đi thực tế: 30 người không hưởng lương x 150.000 đ/người/ngày	người	150.000	30	4.500.000	4.500.000	
4.3	Hỗ trợ tiền nước uống đi thực tế	người	40.000	35	1.400.000	1.400.000	
4.4	Lưu trú cho cán bộ	người	150.000	5	750.000	750.000	
	TỔNG CỘNG = I + II				536.000.000	500.000.000	36.000.000

Bảng chữ: Năm ba mươi sáu triệu đồng chẵn./.

Trong đó: Đề nghị ngân sách Nhà nước hỗ trợ 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng);
Tổng nhân dân đối ứng là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Văn Biếu

Người lập

Nguyễn Công Dương